

Thiết kế phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực ở các trường đại học

Đặng Thị Cẩm Nhung*

*Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản, Trường Đại học Tiền Giang

Received: 6/9/2023; Accepted: 12/9/2023 ; Published: 15/9/2023

Abstract: Capacity development-oriented teaching is a teaching model aimed at maximum development of learners' abilities, in which learners complete cognitive tasks on their own under the organization and guidance of the teacher. The educational process from mainly equipping knowledge to comprehensively developing learners' abilities and qualities is based on the principle: "Learning goes hand in hand with practice"; "Theory linked to practice"; "School education combined with family education and social education".

Teaching methods from the perspective of capacity development not only pay attention to active learners' intellectual activities but also focus on training problem-solving abilities associated with life and professional situations, and at the same time At the same time, combine intellectual activities with practical and practical activities. In addition to learning individual knowledge and skills of specialized subjects, it is necessary to supplement complex learning topics to develop the ability to solve complex, practical problems.

Keywords: Teaching methods, competencies, expected learning outcome, capacity development.

1. Đặt vấn đề

Xã hội ngày nay đòi hỏi nguồn nhân lực không những chỉ đủ về số lượng mà còn phải có chất lượng. Nguồn nhân lực đóng vai trò hết sức to lớn đối với sự phát triển của mỗi đơn vị, doanh nghiệp nói riêng và của đất nước nói chung. Kiến thức và sự hiểu biết về nguyên tắc đảm bảo chất lượng ngày càng mở rộng hơn, đòi hỏi chất lượng đào tạo ngày càng phải tốt hơn. Một trong những định hướng cơ bản của việc đổi mới giáo dục là chuyển từ nền giáo dục mang tính hàn lâm sang một nền giáo dục chú trọng việc hình thành năng lực (NL) hành động, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Định hướng quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học là phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo, phát triển NL hành động, NL cộng tác làm việc của người học. Đó cũng là những xu hướng quốc tế trong cải cách phương pháp dạy học ở các trường đại học hiện nay.

Phương pháp dạy học theo định hướng phát triển NL của SV cho phép cá nhân hóa việc học, trên cơ sở mô hình NL, người học sẽ bổ sung thiếu sót của bản thân, tạo điều kiện quản lý chất lượng, nhấn mạnh NL vận dụng kiến thức của người học theo kết quả đầu ra.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm đổi mới phương pháp dạy học đại học

2.1.1. Bản chất của phương pháp dạy học hiện đại

Hiện nay việc triển khai đổi mới phương pháp dạy học được thực hiện theo hướng tích hợp sự phạm mà tư tưởng cốt lõi của nó là phát triển NL, nghĩa là biết sử dụng các nội dung và các kỹ năng phản ứng thích nghi trong những tình huống đa dạng có ý nghĩa. Dấu hiệu quan trọng của quá trình dạy học nhằm đạt được yêu cầu trên chính là: Dạy học không phải chủ yếu là truyền đạt, cung cấp thông tin mà chủ yếu là rèn luyện khả năng tìm, quản lý thông tin và xử lý thông tin thành sản phẩm có ý nghĩa trong hoạt động nghề nghiệp và đời sống.

2.1.2. Đặc điểm học của của SV đại học

* SV hiện nay không phải ai cũng biết cách học

* Bản chất, yêu cầu học tập ở đại học khác xa so với việc học tập ở phổ thông. Học đại học là học nghề, cho nên SV còn phải biết vận dụng kiến thức vào thực hành nghề.

* Các loại kỹ năng cơ bản cần có ở SV đại học hiện nay:

- Sử dụng ngôn ngữ nói và viết để diễn đạt tư tưởng, quan điểm khoa học và giao tiếp được với người khác một cách rõ ràng, súc tích.

- Phải biết đặt câu hỏi, phân tích các tình huống, giải thích và làm sáng tỏ vấn đề một cách khoa học, tường minh.

- Phải có kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng tư duy phê phán. SV cần biết tư duy nhiều hơn là biết nhớ.

- Biết lựa chọn, thu thập thông tin, biết cách phân tích và tổng hợp dữ liệu thu nhận để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Biết sử dụng máy tính một cách thông dụng như sử dụng bút viết hàng ngày, đặc biệt phải có kỹ năng khai thác và sử dụng công nghệ thông tin.

- Có hiểu biết xã hội và có kỹ năng giao tiếp.

- Có kỹ năng sống trong học tập, trong cuộc sống cá nhân, trong quan hệ với người khác, với môi trường, với công việc...

- Có khả năng phân tích, nhận biết, nhạy cảm trước những biến đổi nhanh chóng của xã hội, công nghệ, kinh tế, văn hóa... để có định hướng hoạt động thích ứng hiệu quả.

2.2. Một số xu hướng đổi mới phương pháp dạy học

* Phát huy tối đa nội lực của người học, lấy tự học làm phương thức cốt lõi để học thường xuyên, suốt đời, lấy người học làm trung tâm.

* Rèn luyện NL nghề nghiệp cho SV với quan điểm: chuyển từ rèn luyện tay nghề sang rèn luyện NL nghề nghiệp.

* Sử dụng tối ưu các phương tiện dạy học, đặc biệt các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

* Chuyển từ truyền đạt các kiến thức sang dạy cho SV các chiến lược, các cách học, vận dụng tri thức vào tình huống thực tiễn.

* Tích hợp trang bị tri thức chuyên sâu về chuyên ngành với tri thức nền tảng rộng, phát triển NL tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, giáo dục các giá trị xã hội, văn hóa, thẩm mỹ...

* Tạo môi trường tương tác tích cực giữa GV và SV; tương tác của SV với giáo trình và nguồn học liệu đa dạng, với môi trường xung quanh, được xem là một trào lưu đổi mới phương pháp đào tạo thế hệ trẻ.

2.3. Thiết kế phương pháp dạy học theo định hướng NL

2.3.1. NL là gì?

NL được định nghĩa theo rất nhiều cách khác nhau bằng sự lựa chọn loại dấu hiệu khác nhau:

* NL như một tổ hợp các thuộc tính tâm lý của cá nhân. NL là tổ hợp các đặc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định và đảm bảo hoạt động đó được thực hiện một cách có hiệu quả, NL là một thuộc tính của nhân cách.

* NL như tổ hợp của các yếu tố cấu thành khả năng hành động. NL là sự tổng hợp các thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo hiệu quả và sự phù

hợp của hành động đối với bối cảnh.

* NL vừa là tổ hợp của các thành tố cấu thành hành động, vừa là tổ hợp của các thuộc tính nhân cách. NL như một hệ thống các cấu trúc tinh thần bên trong như thái độ, cảm xúc, giá trị, đạo đức, động lực và khả năng huy động các kiến thức, kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành giúp cho cá nhân thực hiện thành công các hoạt động trong một bối cảnh cụ thể.

□ NL là những thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định và đảm bảo cho hoạt động đó có hiệu quả. NL không phải là yếu tố sẵn có mang tính bẩm sinh di truyền mà được hình thành và phát triển thông qua hoạt động và giao lưu.

2.3.2. Thành phần và cấu trúc NL

Để hình thành và phát triển NL cần xác định các thành phần và cấu trúc của chúng. Có nhiều loại NL khác nhau. Việc mô tả cấu trúc và các thành phần NL cũng khác nhau. Cấu trúc chung của NL hành động được mô tả là sự kết hợp của 4 NL thành phần: NL chuyên môn, NL phương pháp, NL xã hội, NL cá thể.

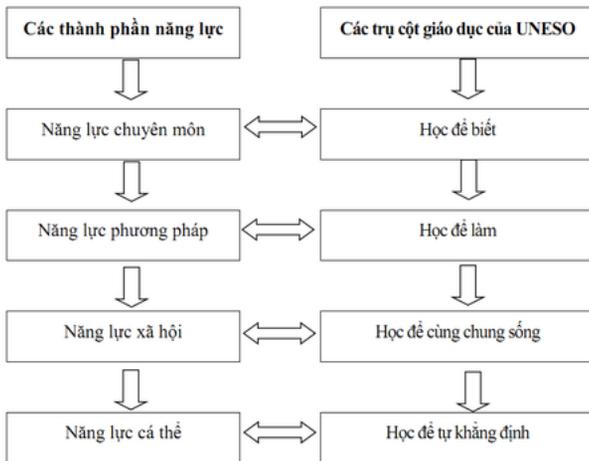
* **NL chuyên môn:** Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như khả năng đánh giá kết quả chuyên môn một cách độc lập, có phương pháp và chính xác về mặt chuyên môn, được tiếp nhận qua việc học nội dung – chuyên môn và chủ yếu gắn với khả năng nhận thức và tâm lý vận động.

* **NL phương pháp:** Là khả năng đối với những hành động có kế hoạch, định hướng mục đích trong việc giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề. NL phương pháp bao gồm NL phương pháp chung và phương pháp chuyên môn. Trung tâm của phương pháp nhận thức là những khả năng tiếp nhận, xử lý, đánh giá, truyền thụ và trình bày tri thức, được tiếp nhận qua việc học phương pháp luận – giải quyết vấn đề.

* **NL xã hội:** Là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống giao tiếp ứng xử xã hội cũng như trong những nhiệm vụ khác nhau với sự phối hợp chặt chẽ cùng những thành viên khác, được tiếp nhận qua việc học giao tiếp.

* **NL cá thể:** Là khả năng xác định, đánh giá được những cơ hội phát triển cũng như những giới hạn của cá nhân, phát triển năng khiếu, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cá nhân, những quan điểm, chuẩn giá trị đạo đức và động cơ chi phối các thái độ và hành vi ứng xử, được tiếp nhận qua việc học cảm xúc – đạo đức và liên quan đến tư duy và hành động tự chịu trách nhiệm.

Mô hình bốn thành phần NL trên phù hợp với bốn trụ cột giáo dục theo UNESCO:



Từ cấu trúc của khái niệm NL cho thấy giáo dục định hướng phát triển NL không chỉ nhằm mục tiêu phát triển NL chuyên môn bao gồm tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển NL phương pháp, NL xã hội và NL cá thể. Những NL này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ. NL hành động được hình thành trên cơ sở có sự kết hợp các NL này.

2.3.3. NL chung và NL chuyên biệt

* NL chung là những NL cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi... làm nền tảng cho mỗi hoạt động của con người trong học tập, cuộc sống và lao động nghề nghiệp như: NL nhận thức, NL trí tuệ, NL về ngôn ngữ và tính toán, NL giao tiếp, NL vận động... Các NL này được hình thành và phát triển dựa trên bản năng di truyền của con người, quá trình giáo dục và trải nghiệm trong cuộc sống.

* NL chuyên biệt là những NL được hình thành và phát triển trên cơ sở các NL chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho những hoạt động chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu hạn hẹp hơn của một hoạt động như toán học, âm nhạc, mỹ thuật, thể thao...

* NL chung và NL chuyên biệt đều được hình thành và phát triển thông qua các môn học, hoạt động giáo dục, NL chuyên biệt vừa là mục tiêu vừa là “đơn vị thao tác” trong các hoạt động dạy học, giáo dục góp phần hình thành và phát triển NL chung.

2.3.4. Phân biệt NL với kiến thức, kỹ năng, thái độ

* Kiến thức: Những hiểu biết có được của con người về thế giới tự nhiên và xã hội nhờ học tập trong trường và từng trải trong thực tế cuộc sống.

* Kỹ năng: Khả năng thực hiện đúng hoạt động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành hành động đó. Kỹ năng về cơ bản

được cấu tạo bởi chuỗi các thao tác hành vi (hay ứng xử) của cá nhân, được sắp xếp theo một cấu trúc hay trình tự nhất định.

* Thái độ: Cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động trên cơ sở nhận thức chủ quan trước một vấn đề, một tình hình. Thái độ luôn chứa đựng ý thức rõ ràng về mục đích và hành động của chủ thể và có tác dụng chi phối nhất định tới hoạt động thực tiễn của cá nhân.

NL được cấu thành từ những bộ phận cơ bản:

Kiến thức về lĩnh vực hoạt động;

Kỹ năng tiến hành hoạt động;

Những điều kiện tâm lý để tổ chức và thực hiện tri thức, kỹ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng.

Phát triển NL cần dựa trên cơ sở phát triển các thành phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ...) trong đó phải được thực hành, huy động tổng hợp các thành phần trong các tình huống đa dạng từ đó mà NL được hình thành, phát triển.

3. Kết luận

Chương trình giáo dục định hướng phát triển NL tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh NL vận dụng của SV. Tuy nhiên nếu vận dụng một cách thiên lệch, không chú ý đầy đủ đến nội dung dạy học thì có thể dẫn đến các lỗi hồng tri thức cơ bản và tính hệ thống của tri thức. Ngoài ra chất lượng giáo dục không chỉ thể hiện ở kết quả đầu ra mà còn phụ thuộc quá trình thực hiện.

Việc thiết kế phương pháp dạy học đòi hỏi những điều kiện thích hợp về phương tiện, cơ sở vật chất và tổ chức dạy học, điều kiện về tổ chức, quản lý. Ngoài ra, phương pháp dạy học còn mang tính chủ quan. Mỗi GV với kinh nghiệm riêng của mình cần xác định những phương hướng riêng để cải tiến phương pháp dạy học và kinh nghiệm của cá nhân, nhằm đem lại hiệu quả tối ưu nhất trong công tác giáo dục nói chung và công việc giảng dạy nói riêng.

Tài liệu tham khảo

[1] Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II, 2018.

[2] Nguyễn Thị Lan Hương (2014), *Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển NL*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp Bộ.

[3] Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Công Bằng, Lê Ngọc Quỳnh Lam (2014), *Chương trình đào tạo tích hợp – Từ thiết kế đến vận hành*, NXB ĐHQG TP.HCM.

[4] Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo